



**KIẾN THỨC BẢN ĐỊA VỀ QUẢN LÝ  
VÀ KHAI THÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN  
RỪNG CỦA NGƯỜI THÁI  
Ở HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA**

HOÀNG NGỌC HÙNG

**1. Đặt vấn đề**

Trong bối cảnh chung của việc nghiên cứu tri thức bản địa của người Thái ở Việt Nam, việc nghiên cứu về tri thức bản địa của người Thái ở Thanh Hóa đã được tiến hành có hiệu quả trên một số phương diện (Vương Anh, 2004; Vũ Trường Giang, 2008a, 2008b, 2008c...). Tuy vậy, các nghiên cứu kiến thức bản địa trước đây liên quan tới quản lý tài nguyên rừng của người Thái ở Thanh Hóa cũng chưa đầy đủ, nhất là những vấn đề có liên quan đến khai thác, quản lý tài nguyên rừng của đồng bào Thái ở vùng biên giới xứ Thanh. Những nội dung cần thiết tiếp tục bổ sung trong phạm vi bài viết này là kết quả khảo sát và nghiên cứu, thu thập những kiến thức bản địa về quản lý và khai thác tài nguyên rừng của chúng tôi tại huyện Quan Sơn (Thanh Hóa). Đây là những kinh nghiệm truyền thống của người Thái về khai thác, quản lý tài nguyên rừng được đúc rút lâu đời từ thực tiễn của đồng bào và những mặt tích cực của nó được áp dụng sẽ mở ra triển vọng tốt đẹp trong việc bảo vệ, quản lý và phát triển nguồn tài nguyên rừng.

**2. Vài nét về huyện Quan Sơn**

Quan Sơn là huyện miền núi cao nằm ở phía Tây tỉnh Thanh Hóa, có 64km đường

biên giới giáp với hai huyện Viêng Xay, Sầm Tớ của tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào. Huyện được thành lập ngày 1/1/1977 theo Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 18/11/1996 của Chính phủ trên cơ sở tách ra từ huyện Quan Hóa cũ. Phía Bắc của huyện Quan Sơn giáp huyện Quan Hóa, phía Nam giáp huyện Lang Chánh, phía Đông giáp huyện Bá Thước, đều của tỉnh Thanh Hóa. Phía Tây và Tây Bắc, Tây Nam huyện Quan Sơn là biên giới Việt - Lào. Trung tâm huyện cách thành phố Thanh Hóa 150km về phía Tây trên trục đường 217A đi qua cửa khẩu quốc tế Na Mèo.

Theo số liệu thống kê năm 2010 của UBND huyện, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 93.017,03ha. Trong đó: đất lâm nghiệp là 71.014,55ha; đất nông nghiệp - 2.589,64ha; đất thổ cư - 368,12ha; đất phi nông nghiệp - 3.035,35ha; đất chưa sử dụng - 16. 009,37ha. Cư trú trên địa bàn huyện Quan Sơn gồm có bốn dân tộc anh em: Thái, Mường, Hmông, Kinh. Người Thái có lịch sử ở đây lâu đời nhất, có số dân đông nhất gồm 29.446 người, chiếm 81,14% tổng dân số của toàn huyện. Người Mường với 2.689 người, chiếm 7,4% dân số của huyện. Người Kinh có mặt ở vùng đất Quan Sơn từ năm 1960, số dân đến nay là 3.306 chiếm 9,16%

dân số toàn huyện. Có dân số ít nhất là người Hmông, vốn mới di cư từ xã Pù Nhi của huyện Mường Lát sang từ năm 1987, đến nay có 849 người, chiếm 2,3% dân số của huyện.

Địa hình của huyện Quan Sơn hiểm trở, độ dốc cao, có nhiều sông suối uốn khúc lượn quanh những rặng núi đá vôi hùng vĩ tạo nên nhiều quần thể hang động đẹp là tiềm năng phát triển du lịch sinh thái trong tương lai. Nhưng thế mạnh chính của huyện là rừng. Độ che phủ rừng ở Quan Sơn ngày càng tăng, tăng từ 59% (năm 1997) lên thành 87,7% (năm 2010). Tài nguyên rừng ở Quan Sơn phong phú, đa dạng, bao gồm: rừng gỗ thuần loài - 10.467,18ha; rừng nửa vầu thuần loài - 23.814,86ha; rừng gỗ, nửa, vầu hỗn giao - 20.775,19ha; rừng giang, le - 3.391,18ha; rừng núi đá có cây - 1.434,74ha; rừng trồng - 11.55,4ha, trong đó rừng luồng - 9.562,02 ha. Động vật rừng ở Quan Sơn còn có nhiều loại như gấu, báo, hổ, bò rừng, trâu rừng, lợn lòi, nai, hoẵng...

Huyện Quan Sơn có 6 xã biên giới và 16 bản thuộc vùng giáp biên. Cơ cấu kinh tế của huyện hiện nay là: lâm - nông - tiểu thủ công nghiệp - thương mại và dịch vụ. Nhìn chung, kinh tế của huyện còn nhiều khó khăn. Hầu hết các xã giáp biên chưa thể tự túc lương thực. Năm 2011-2012, theo báo cáo của UBND huyện, huyện đã cấp gần 200 tấn gạo cứu đói, đồng thời hỗ trợ khoán chăm sóc bảo vệ rừng cho các hộ với mức 200.000đồng/ha, hỗ trợ lần đầu với giống cây trồng rừng sản xuất với mức 2 triệu đồng/ha. Đến nay, huyện đã có gần 7.500 hộ gia đình tham gia nhận khoán rừng, 100% hộ tham gia cam kết thực hiện các quy định về bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng, thường xuyên duy trì các hội nghị giao ban

ký cam kết bảo vệ rừng giữa các xã giáp biên của hai huyện Viêng Xay và Sầm Tó (tỉnh Hủa Phăn của nước bạn Lào). Do vậy, đồng bào ý thức được rằng bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của mình.

### 3. Kiến thức bản địa về quản lý rừng

Để quản lý, bảo vệ rừng, người Thái ở Quan Sơn đã phân định các loại rừng và có quy định đối với mỗi loại, được đúc kết trong câu tục ngữ lưu truyền trong bản mường “*Pa húa tá nặm bo. Lông sần tó pá lông chủ quản dóm bay*” (Nghĩa là: Rừng đầu bên, đầu nguồn. Rừng thờ thần, rừng thiêng mọi người giữ lấy).

#### 3.1. Với rừng cấm

Theo truyền thống, người Thái ở Quan Sơn quy định rừng cấm gồm có rừng đầu nguồn, rừng của mường, rừng lấy gỗ, rừng lấy quả. Trong đó, rừng đầu nguồn suối (*pa húa huối tá*) là loại rừng giữ nước. Đối với loại rừng này, người Thái quy định không được khai thác, phát đốt làm nương rẫy vì sợ cạn mất nguồn nước, đặc biệt là ngọn suối lấy nước ruộng. Ngoài ra, với suối ở rừng đầu nguồn, người Thái cũng quy định không được làm bất cứ việc gì liên quan đến sinh hoạt hàng ngày như tắm, giặt do sợ làm bẩn nguồn nước sinh hoạt của bản. Họ truyền dạy nhau qua câu tục ngữ: “*Mi lín chǎng mi dá. Mi pa chǎng mi nặm*” (Có đất mới có cỏ. Có rừng mới có nước).

Trước đây cả mường có một khu rừng chung, không ai được tự ý vào rừng làm nương rẫy, chặt cây lấy gỗ, hái măng hoặc săn bắt thú khi chưa có ý kiến của Tào. Mục đích cấm là giữ rừng để cho thú ở, cho cây rừng tốt tươi và chỉ dùng vào việc chung của mường. Khi nào Tào mường cần cúng mường thì mới tổ chức vào rừng đó săn bắt

thú về cho đám cúng mừng. Hoặc Tạo cần làm nhà thì được lấy cây gỗ tốt trong rừng này để làm.

Rừng để lấy gỗ/cây làm nhà, lấy nửa vầu làm rào bản, rào ruộng, lập nhà. Loại rừng này cũng bị cấm, không được phát rừng làm nương rẫy. Rừng để lấy quả, lấy lá thường là rừng của bản và bản quy định mọi người không được chặt cây, chỉ được hái quả, lấy lá để dùng. Chẳng hạn, như rừng trám chỉ hái quả trám; rừng cọ, rừng kè chỉ được lấy lá cọ, lá kè. Gỗ, nửa, vầu, quả, lá lấy ở rừng chỉ được sử dụng, không được bán.

Đối với các loại rừng cấm như trên, mọi người trong bản mừng đều phải chấp hành các quy định chung. Nếu ai vi phạm thì tùy theo lỗi nhỏ hay lớn và số lần vi phạm mà có hình thức xử phạt theo quy ước. Chẳng hạn, vi phạm lỗi nhỏ không gây ảnh hưởng lớn đến môi trường của rừng như tự ý vào rừng cấm hái măng, chặt một vài cành cây, đào củ nâu củ mài thì người vi phạm phải mang đồ lễ vào cúng rừng và xin lỗi bản. Đồ lễ cúng gồm có xôi, gà, rượu, vải thổ cẩm, vòng tay hoặc vòng cổ bằng bạc đặt vào mâm cúng rừng. Vi phạm lỗi nặng hơn như chặt hạ một cây trong rừng, thì đồ lễ cúng phải là lợn. Vi phạm lỗi lớn như tự ý phát một đám rừng làm rẫy, làm cháy rừng thì đồ lễ phải bằng trâu, bò, phải đứng trước cuộc họp của bản mừng để xin lỗi, phải làm cơm đãi bản. Nếu vi phạm lần thứ hai mà vẫn phạm lỗi lớn, thì còn phải chịu thêm hình thức phạt là bị Tạo bản đánh roi và đi làm công không cho bản. Đối với loại rừng hái quả, lấy lá của bản, người Thái còn quan niệm nếu người nào hái một quả, hái một lá mà không vun gốc cho cây thì thần cây sẽ lấy đi của người ấy một ngày sống.

### 3.2. Với rừng thiêng

Người Thái quy định, rừng thiêng gồm rừng ở nghĩa địa và rừng thờ thần. Trong đó, rừng ở nghĩa địa (*pa héo* - nghĩa là cõi vĩnh hằng) được người Thái quan niệm là nơi chôn cất người chết, chốn linh thiêng, không ai được xâm phạm mọi thứ ở đó, kể cả cây cỏ. Mọi người phải có trách nhiệm bảo vệ rừng nghĩa địa và cấm không được vào khi không có việc liên quan đến mồ mả của nhà mình. Do vậy, nghĩa địa của người Thái xưa kia thường rậm rạp và có nhiều cây cỏ thụ. Ai vi phạm vào rừng nghĩa địa, như tự ý chặt phát cây, đào củ làm động đến linh hồn người chết sẽ bị những linh hồn đó oán trách bản và người thân của họ. Hệ quả là trong bản sẽ có người ốm đau, bệnh tật, chết chóc. Vì thế, bản sẽ phạt người vi phạm phải chi phí cho tổ chức cúng "*Bán héo*" (nghĩa là bản người chết). Lễ vật cúng bao gồm: gạo, lợn, rượu, gà, vải thổ cẩm, bạc trắng, thậm chí là phải cúng bằng trâu, bò cho cả bản ăn, rất tốn kém. Tất cả các chi phí đó đều do người vi phạm nộp.

Rừng thờ thần (*Pa sần*) là nơi dân bản thờ quan binh tử trận, nơi hổ bắt người vào ăn ở đó, nơi có các thần núi thiêng. Ở khu rừng này, dân bản lập miếu thờ hoặc thờ tại gốc cây, tảng đá, hoặc hang động. Mọi người đều phải bảo vệ, giữ gìn rừng thờ thần. Ai vi phạm vào rừng thiêng, làm động rừng thiêng, làm hồn vía quan binh oán trách dân làng, sinh ra bệnh tật, hoạn nạn khi đã được thầy cúng đoán ra nguyên nhân thì người vi phạm phải chịu toàn bộ chi phí cúng thần. Lễ vật cúng gồm xôi, gà, lợn, gạo, rượu cần, rượu siêu, vải thổ cẩm, bạc nén, có khi phải mổ trâu, bò, dê nếu là lỗi lớn. Do vậy, mọi người đều né tránh không xâm hại rừng thiêng. Nếu người nào cần hái

thuốc nam trong rừng thiêng thì phải có đồ lễ xin cộng đồng bản cho phép, xin thần rừng mới được vào hái lá thuốc.

Tương truyền trong dân gian ở vùng Quan Sơn có nhiều câu chuyện liên quan đến các khu rừng thiêng. Ông Phạm Xuân Cừ (bản Yên, xã Mường Mìn) kể rằng tiếp giáp với xã Mường Mìn và xã Sơn Thủy (huyện Quan Sơn) có núi đá Pha Dua, nơi đây thờ 7 thần linh quan tướng. Trong đó có ông tướng quân Phạm Lành - người Thái ở bản Chiềng, xã Mường Mìn. Vào khoảng thế kỷ XVIII, ông dẫn quân đi đánh giặc cờ vàng bị chết trận ở Co Hương - Nà Bó, Chiềng Chu, huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình, không lấy được thi thể về nên dân bản đã tôn thờ và làm mo đưa linh hồn ông lên ở núi Pha Dua để phù hộ cho bản mường. Ông Tư Mã Hai Đào là vị tướng thời nhà Minh cai quản vùng biên giới từ Sơn La đến Nghệ An. Ông chết tại Mường Xia, xã Sơn Thủy. Dân bản cũng tôn thờ lên núi Pha Dua. Nơi đây là rừng thiêng, khu rừng này được người dân địa phương giữ gìn rất cẩn thận, nên dân mường cho rằng nhờ có các ông phù hộ mà trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, thanh niên trai tráng hai xã Sơn Thủy, Mường Mìn đi bộ đội, thanh niên xung phong rất đông nhưng số người không may bị thương và liệt sĩ rất ít. Trong thời chống Mỹ, cả hai xã đều là khu vực biên giới trọng điểm, máy bay Mỹ ném bom bắn phá cả ngày đêm nhưng nhân dân, cán bộ tại địa bản cũng ít thương vong. Cả cuộc chiến tranh bằng không quân ác liệt của Mỹ từ năm 1964 đến năm 1972, trên địa bàn chỉ có một dân quân hy sinh trong trận đánh máy bay Mỹ ngày 5 tháng 6 năm 1965. Đồng bào ở đây tâm niệm là nhờ có thần Pha Dua phù hộ.

### 3.3. Với rừng thường

Rừng thường, còn được người dân địa phương gọi là rừng ngoài vùng cấm hoặc sau này gọi là rừng sản xuất. Loại rừng này, người dân được tự do sử dụng vào các mục đích khác nhau như khai thác gỗ, củi, canh tác nương rẫy. Trước đây, rừng được khai thác chủ yếu để canh tác nương rẫy do nhu cầu tự cấp tự túc về lương thực. Việc phát rừng sản xuất làm nương rẫy được khuyến khích, ai có khả năng phát rừng mở rộng diện tích làm nương rẫy càng nhiều càng tốt. Người Thái ở Quan Sơn có tập quán quy ước là đối với rừng sản xuất thì diện tích khai thác phát đốt làm rẫy của mỗi hộ được quyền sở hữu trong 5 năm. Người ta phát một khu đất rừng làm rẫy, sau đó có thể bỏ đi cho rừng phục hồi tái sinh và chuyển sang phát tiếp nơi khác thì khu đất rừng đã phát trước đó trong vòng 5 năm vẫn thuộc quyền sở hữu của họ, người khác không được tự ý sử dụng. Tập quán này trong quá khứ cũng là một nguyên nhân góp phần làm cho việc suy giảm diện tích rừng trong khi chưa có biện pháp khuyến khích trồng rừng thích hợp. Từ năm 2004, Nhà nước đã ban hành và sửa đổi nhiều chính sách liên quan đến quản lý nguồn tài nguyên rừng và đất rừng. Việc giao đất lâm nghiệp cho từng hộ gia đình và các tổ chức được hình thành tạo nên sự đổi mới về kinh tế rừng và nghề rừng. Mỗi khu rừng sản xuất đã có chủ rừng và họ có lợi ích thực sự từ rừng và nghề rừng.

## 4. Kinh nghiệm khai thác nguồn tài nguyên rừng

### 4.1. Sản bắt

- Chọn rừng sản thú

Theo kinh nghiệm của người Thái ở địa phương, ở khu rừng non, rừng lau, rừng

chuối pha nửa vầu, rừng gần rẫy sắn, ngô, lúa thì sẽ có lợn lòi, hoẵng, nai. Còn rừng có nhiều cây ăn quả thì sẽ có khỉ, vượn, voọc, gấu, cáo ăn ở trên cây; có lợn rừng, hoẵng, nai ăn ở dưới gốc. Những khu rừng rậm rạp thường có nhiều thú ăn cỏ và sẽ có nhiều thú ăn thịt (hổ, báo). Các loài thú như hoẵng, lợn lòi, cáo thường ở rừng gần; còn nai, gấu, bò rừng, trâu rừng ở rừng sâu.

*- Chọn mùa, ngày, giờ săn bắt thú*

Người Thái ở đây có kinh nghiệm mỗi loài thú rừng thường xuất hiện nhiều theo giờ, theo tháng, theo mùa. Mùa măng dễ gặp lợn lòi, hoẵng, nai ở trong rừng nửa, vầu và cây có măng, có lộc ở thấp. Mùa hoa trái trong rừng như: mùa quả sấu, quả vải rừng chín sẽ gặp nhiều vượn, khỉ, voọc. Mùa ong mật làm tổ sẽ hay gặp gấu. Do vậy, muốn săn thú gì phải chọn đúng ngày, giờ mới gặp được và khi đi săn, phải chọn đi chiều ngược gió để thú khó phát hiện mình.

*- Cách săn bắt thú*

Người Thái ở Quan Sơn từ xưa đã giỏi đi săn bắt thú. Họ thường làm nhiều loại bẫy hoặc dùng cung, nỏ. Nhưng dù dùng phương tiện công cụ gì thì cũng cần có kiến thức, kinh nghiệm mới bắt, săn được thú. Đồng thời, người Thái cũng có những quy định cụ thể, nghiêm ngặt như không được săn, bắt thú tràn lan làm kiệt nòi giống của chúng, không được săn bắt con đang chữa, con mẹ đang nuôi con nhỏ. Nếu thấy thú chỉ còn một con là sự lạ, có thể sắp tiệt đàn (vì như khi thường đi theo đàn, thú quý hiếm cũng có thể chỉ còn một con) hoặc là dấu hiệu của sự kiêng kỵ không được giết.

*- Kinh nghiệm tìm bắt ong mật*

Theo kinh nghiệm truyền thống, người Thái ở đây quan sát thấy ong mật thường

làm tổ trên cao, việc sinh đẻ ong non do một mình ong chúa đảm nhiệm. Ong mật làm mật mỗi năm hai lần vào mùa xuân (cuối tháng 3) và mùa thu (tháng 7, 8) dương lịch. Người Thái lưu truyền cho nhau lấy ong mật phải bảo vệ ong chúa, không làm ong chúa chết thì đàn ong mới còn, nên việc lấy ong mật chỉ là xua đàn ong bay đi để mình lấy mật. Từ kinh nghiệm đó, người Thái có câu nói: “*Phắng xía mé mần luôn. Nộc chác pừng mần móm*” (Ong mất chúa nó tàn. Chim lia đàn nó tử). Sau khi phát hiện tổ ong, người phát hiện phải đánh dấu X vào gốc cây để xác định mình đã phát hiện ra tổ ong để người đi sau thấy tổ ong đã có chủ và không lấy tổ ong đó nữa. Khi đi lấy mật, người ta mang theo sọt, nilon hoặc xô, chậu để đựng cả tảng tổ ong chưa vắt mật và đem theo bó đuốc, bùi nhùi... treo vào đầu sào rồi đốt, đưa thẳng lên tổ ong cho ong già bay đi. Khi mang mật ong về nhà thì dùng 2 lớp vải màn sạch trùm lấy tảng tổ ong để bóp chặt cho mật chảy xuống chậu. Có thể lọc nhiều lần qua vải màn sạch trước khi cho mật vào chai, sau đó nút chai bằng lá chuối, ruột bắp ngô khô là tốt nhất.

**4.2. Khai thác lâm sản ngoài gỗ**

*- Hái rau rừng*

Rừng ở Quan Sơn nhiều và thảm thực vật đa dạng về thể loại; mỗi mùa và mỗi khu rừng lại có những sản phẩm khác nhau. Nơi đây xưa kia, những cánh rừng bạt ngàn đã cung cấp một nguồn rau rừng phong phú như rau dớn, rau sắng, rau tầm bóp, lá lốt, lá cây vả, đọt bứa... Người Thái trong vùng thường hái rau rừng về rửa sạch, luộc lên ăn. Rau rừng mọc quanh năm nhưng nhiều nhất là khoảng tháng 7 và tháng 8 âm lịch, vì vào thời gian đó, trời mưa xuống, cây rừng xanh tươi, các loài rau rừng được tưới mát, tươi

tốt. Quan Sơn có nhiều rừng già, rừng tán lá thấp, độ ẩm cao, nên người Thái ở đây cho biết loại rau dớn phát triển rất mạnh, còn rau sắng thường mọc ở nơi gần núi đá. Theo kinh nghiệm của người Thái ở địa phương, hàng năm các trận mưa đầu mùa với dòng nước nhiều chất mùn từ thượng nguồn đổ về mang theo độ màu mỡ bón cho những đám rau dớn thêm phần tươi tốt và chuẩn bị cho một chu kỳ sinh chồi nảy lộc nên rau dớn ăn ngon nhất, được hái đến tận cuối mùa xuân. Hiện nay, với nhu cầu ăn rau sạch thì rau dớn càng trở thành món ăn được ưa thích.

Rừng núi đá ở Quan Sơn có nhiều khe suối uốn lượn chảy quanh nên theo kinh nghiệm người Thái ở đây còn hái rêu để chế biến thành món canh rêu vừa mát vừa bổ dưỡng. Người ta chọn chỗ nước chảy để hái rêu vì rêu ở nơi này sẽ sạch hơn và hái rêu đang bám trong đá, không lấy rêu dài (già), chỉ lấy rêu ngắn (non) vì loại rêu này ăn ngon hơn.

#### - Hái nấm rừng

Nấm rừng có hai loại là nấm mọc từ đất và nấm mọc từ cây khô, cây mục. Nấm mọc từ đất (nấm lúa, nấm mối) thường mọc vào thời gian tháng 5, tháng 6 khi bắt đầu có mưa rào. Hai loại nấm này màu trắng ăn rất ngon. Riêng nấm mối hay mọc quanh tổ mối có hình trụ to như ngón tay, trên xoè tán rộng. Nấm mối mới mọc ăn ngon, nên khi hái chọn thời điểm nấm còn đang tròn đầu, chưa xoè tán.

#### - Hái măng

Loại măng sặt, măng đắng mọc vào mùa xuân (tháng 2, tháng 3 âm lịch). Loại măng mu càng lên cao càng đắng. Do vậy, phải đào đất xuống lấy măng mới nhú thì mới ngon. Măng giang, măng le, măng bương mọc vào tháng 6, 7, 8. Măng nứa, vầu mọc vào tháng 5, 6, 7 nhưng măng vầu đắng, thâm nên không ăn được.

#### - Hái quả sa nhân

Cây sa nhân thường mọc dưới tán rừng nơi gần sông suối, bãi bằng. Quả sa nhân được dùng làm nhiều vị thuốc. Nếu ai bị ứ hơi đầy bụng, chỉ cần lấy 2 - 3 quả sa nhân bóc vỏ nướng chín giòn rồi nhai nuốt là khỏi. Vào khoảng tháng 6, 7 dương lịch là quả sa nhân già, sang tháng 8 là chín. Quả sa nhân mọc thành từng chùm dưới rễ cây mẹ, quả già có màu xanh đen, cứng; quả non màu trắng bột; quả chín màu hồng nấn mềm dễ tách vỏ, nên hái những quả vừa già tới thì tốt hơn vì quả chín dễ mốc, quả non chất lượng chưa cao. Sa nhân hái về phơi khô bỏ vào chum, vại, bì tải, sọt, có thể để được 1-2 năm chưa hỏng.

#### - Bóc vỏ quế

Các sản phẩm từ quế là loại dược liệu quý. Có thể chưng cất vỏ, lá, cành nhánh thành tinh dầu hoặc ướp để dùng dần, trong đó vỏ quế là sản phẩm quý nhất. Quế thường được bóc vỏ mỗi năm 2 lần vào vụ hè và vụ thu. Vào vụ hè khoảng tháng 4 và nửa đầu tháng 5 người ta thường bóc vỏ quế; nhưng sang cuối tháng 5 và tháng 6 sẽ khó bóc vỏ vì lúc này quế ra hoa. Vụ thu, bóc vỏ quế từ tháng 7 đến tháng 9. Khi bóc không cần hạ cây, chỉ dùng dao khoanh nửa thân cây quế, mỗi đoạn tùy theo yêu cầu kích cỡ sản phẩm. Sau đó rạch thẳng theo thân cây cả hai cạnh, dùng mũi dao, que vót lép mũi chọc vào cạnh đã rạch, bóc và tách vỏ quế ra; không được bóc khoanh tròn toàn thân cây vì làm như vậy cây quế sẽ chết.

#### - Hái thuốc nam

Rừng ở Quan Sơn có nhiều loại cây, lá có thể dùng làm thuốc chữa bệnh. Do cuộc sống gắn liền với rừng và lại ở vùng biên giới, nên người Thái ở Quan Sơn có nhiều kinh nghiệm hái thuốc nam trong rừng. Các bài thuốc là bí quyết nên đồng bào không cho

công khai, ai cần thì đồng bào lấy giúp cho. Việc truyền nghề lấy thuốc thường chỉ trao truyền trong dòng tộc. Ông Lương Văn Kếu (85 tuổi), một thầy lang nổi tiếng ở bản Ngàm (xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn) kể rằng: Trước lúc đi hái thuốc trong rừng, thầy lang phải đặt lễ vật lên bàn thờ tổ tiên gồm một đĩa trầu, một chai rượu, một ít tiền, khấn nói tên người bệnh, có lễ vật đến xin thuốc chữa bệnh, bài thuốc xin đi lấy chữa khỏi bệnh thì sẽ tạ lễ ông thầy. Thời điểm đi hái thuốc vào buổi sáng là trước 11 giờ, vào buổi chiều là sau 13 giờ, nhưng tốt nhất là hái thuốc vào lúc buổi sáng sớm hay chiều muộn. Họ kiêng hái thuốc vào buổi trưa vì khi đó nắng to làm cây ngả hết chất hút và kiêng hái thuốc vào trời mưa làm nhạt mất thuốc thì sẽ ít hoặc không có tác dụng chữa bệnh. Theo kinh nghiệm dân gian, phải xem xét kỹ cây thuốc đầu tiên và nếu lấy được cây thuốc chưa vừa ý thì cũng không được bỏ đi vì họ quan niệm tổ tiên, thần linh đã ban lộc, cây thuốc đó nhất định phải đem về nhà cho dù có dùng hay không. Nếu bỏ cây thuốc đầu tiên là từ chối không nhận lộc mà thần linh đã ban tặng thì việc tìm thuốc sẽ rất khó khăn thậm chí không tìm được cây thuốc mà mình cần. Nếu vị thuốc là lá hay ngọn, trong khi hái, người hái phải ngừng thở và dùng ngón tay trái để hái. Ngừng thở để hơi thở của mình không ảnh hưởng đến lá thuốc. Không dùng tay phải để hái thuốc vì tay phải cầm nắm nhiều nên không sạch. Bất kỳ bệnh nặng hay nhẹ, mỗi loại lá thuốc trong bài thuốc chỉ được hái 3 lá hoặc 3 ngọn. Nếu vị thuốc là cây thân gỗ, là cây nhỏ chỉ được làm đứt rời cây bằng một lát dao, nếu là cây to phải chặt đứt cây bằng số lẻ 3, 5, 7, 9 nhát dao. Số nhát dao chặt cây phải lẻ vì theo quan niệm của người Thái là số lẻ dành cho người sống, số chẵn dành cho người chết. Khi hái thuốc cần sử dụng gốc hoặc rễ

thì tùy độ nông sâu, người ta dùng cuốc hay thuổng để đào nhưng sau khi lấy ra khỏi mặt đất hoặc không lấy hết bộ rễ của cây thì phải trồng lại cây thuốc vào vị trí cũ để cây tiếp tục phát triển bình thường. Kinh nghiệm cho thấy rằng, những cây thuốc quý, hiếm không phải tìm ngày một, ngày hai là được, cũng có lúc phụ thuộc vào cái duyên tìm thuốc mới được. Ông kể, có lần đã đi tìm vài ngày mà vẫn không tìm được cây cần tìm, nhưng cũng có lúc vừa mới đến cửa rừng đã nhìn thấy. Hoặc lần này tìm thấy chỉ hái đủ lượng lá thuốc cần thiết nhưng lần sau quay lại thì cây thuốc không còn nữa do bị thú ăn hay bị người không biết đã chặt làm củi. Do vậy, có lần tìm được cây thuốc quý, ông đã nhờ anh em lên rừng đánh bầu khiêng cây thuốc về trồng ở vườn nhà. Mặc dù được chăm sóc cẩn thận nhưng số lượng cây sống được rất ít và hiệu quả tác dụng chữa bệnh không cao như khi cây thuốc ấy sống ở trong rừng. Phải chăng đặc tính sinh học, khí hậu, thổ nhưỡng và quang hợp tự nhiên là điều kiện tạo nên chất thuốc của cây? Khi thay đổi điều kiện sống cùng sự chăm sóc kỹ lưỡng đến mức thái quá của con người, như tưới nước, bón phân thì chất thuốc trong cây cũng có sự thay đổi? Đây là một vấn đề cần được quan tâm, kế thừa để bảo tồn những kiến thức y học dân gian.

### **Kết luận**

Rừng ở Quan Sơn là nguồn tài nguyên quý giá, là nơi dự trữ nguồn nước, nguồn thức ăn, nguyên dược liệu, nguồn đất trồng và sản xuất. Trong đời sống của cộng đồng các dân tộc ở Quan Sơn, rừng đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Sống gần rừng, nhờ rừng do vậy đồng bào Thái rất yêu quý rừng, có ý thức bảo vệ và phát triển rừng. Tục ngữ Thái đã có câu: “*Tái pa phắng, nhằng pa liêng*” (Chết rừng chôn, còn rừng nuôi). Những kinh nghiệm truyền thống trong quản lý và khai thác nguồn

tài nguyên rừng của người Thái ở địa phương không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho hộ gia đình, mà còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vào việc bảo vệ môi trường sinh thái.

Tuy nhiên, nếu nhìn nhận những kinh nghiệm này một cách đa chiều, thì những kinh nghiệm truyền thống đó có mặt tích cực và cũng có mặt hạn chế nếu không biết cách áp dụng vào trong môi trường, điều kiện lịch sử cụ thể. Chẳng hạn, nếu hiểu biết sâu về kinh nghiệm săn bắt thú rừng mà đem áp dụng để săn thú thì sẽ có thể khai thác triệt để thú rừng, khiến nhiều loài thú bị tiêu diệt, thậm chí tuyệt chủng. Nhưng nếu biết cách vận dụng những kinh nghiệm này với cán bộ kiểm lâm và chính quyền địa phương thì sẽ có thể làm tốt việc khoanh vùng để bảo vệ những loài thú quý hiếm. Vì vậy, những kinh nghiệm trong khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên rừng của người Thái ở Quan Sơn rất có giá trị trong xã hội truyền thống và ngày nay cần được chất lọc, trao truyền để phát huy giá trị của nó trong đời sống.

Nhìn tổng quan, vùng đất Quan Sơn là khu vực giữ vị thế quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, giữ gìn môi trường sinh thái, bảo đảm sự ổn định, phát triển không chỉ riêng cho vùng mà còn cho cả tỉnh; là vùng giàu tiềm năng, có nhiều thế mạnh về rừng, nghề rừng, thương mại cửa khẩu, du lịch. Tiềm năng của huyện là rừng. Do đó, hiện nay huyện đang tích cực hỗ trợ trồng rừng sản xuất để cải tạo rừng nghèo nhằm xây dựng chiến lược phát triển bền vững với mục tiêu tổng quát và hài hòa, đó là phát triển kinh tế gắn với bảo đảm xã hội và bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế rừng phải đảm bảo an ninh rừng có tính bền vững. Để đảm bảo việc bảo vệ và khai thác sử dụng tài nguyên rừng theo hướng bền vững, địa

phương cần lựa chọn những kinh nghiệm thích hợp. Gắn bảo vệ rừng với khai thác tài nguyên rừng hợp lý là tổng hợp được cả ba lợi ích: kinh tế, xã hội - giữ gìn an ninh vùng biên và môi trường sinh thái. Điều này cho thấy mọi nỗ lực trong lĩnh vực lâm nghiệp của địa phương cần phải được quan tâm và đòi hỏi sự góp sức của cộng đồng dân cư.

### Tài liệu tham khảo

1. Vương Anh (2004), “Văn hóa các tộc người vùng biên xứ Thanh”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Số 10, tr. 41-43.
2. Lâm Minh Châu (2007), “Tri thức địa phương của người Thái về sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên” (Nghiên cứu trường hợp ở xã Hạ Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La), *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 65-73.
3. *Đổi thay ở Quan Sơn (Thanh Hóa)*, trên: [http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/NewsDetail.aspx?co\\_id=30361&cn\\_id=496038](http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/NewsDetail.aspx?co_id=30361&cn_id=496038)
4. Vũ Trường Giang (2008a), “Tri thức bản địa về thuốc nam của người Thái ở miền núi Thanh Hóa (Nghiên cứu tại xã Yên Khương, huyện Lang Chánh)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 38-52.
5. Vũ Trường Giang (2008b), “Luật tục của người Thái ở miền núi Thanh Hóa”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Số 5, tr. 43-53.
6. Vũ Trường Giang (2008c), “Nghề thuốc nam trong đời sống tâm linh của người Thái ở miền núi Thanh Hóa”, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, Số 10, tr. 51-61.
7. Vũ Trường Giang (2009), “Tri thức bản địa của người Thái ở miền núi Thanh Hóa”, *Luận án Tiến sĩ Lịch sử*, Hà Nội.
8. Hà Nam Ninh (sưu tầm và dịch), *Tục ngữ Thái ở Thanh Hóa*, Bản đánh máy lưu tại Hội cựu giáo chức huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.